

Số: 176/TB-HVKHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2017

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 2 NĂM 2017

Căn cứ thông báo số 136/TB-BGDĐT ngày 07/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017 của Học viện Khoa học và Công nghệ (Học viện KHCN), Học viện KHCN đã tiến hành tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2017 và Lễ khai giảng được tổ chức vào ngày 07/7/2017 tại Hà Nội.

Học viện KHCN tiếp tục tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2017 như sau:

- 1. Chuyên ngành đào tạo:** 52 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.
Danh mục chi tiết các chuyên ngành tuyển sinh và Danh mục ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển xem tại *Phụ lục 1-TS*.
- 2. Hình thức và thời gian đào tạo:** Hệ tập trung 3 năm và 4 năm.
Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm, đối với người có bằng đại học là 4 năm tập trung liên tục.
- 3. Điều kiện dự tuyển**
Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có đầy đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Các điều kiện đối với người dự tuyển và Tiêu chuẩn đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh như tại *Phụ lục 2-TS*.
 - b. Hồ sơ đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh theo mẫu tại *Phụ lục 3-TS*.
 - c. Có 02 thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu theo *Mẫu 3.4-TS*.
 - d. Có 01 đề cương nghiên cứu đề tài luận án viết theo hướng dẫn tại *Mẫu 3.5-TS*.
- 4. Đăng ký dự tuyển:**
 - Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày **10/6/2017** đến hết **22/9/2017**.
 - Thí sinh có thể nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo hai hình thức:
 - + Nộp trực tiếp tại Học viện Khoa học và Công nghệ và các cơ sở của Học viện tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Nha Trang, TP. Đà Lạt như trong *Phụ lục 4-TS*.
 - + Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ:
Học viện Khoa học và Công nghệ, Nhà A21, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Hồ sơ ghi rõ "*Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh đợt 2 năm 2017*".
- 5. Kinh phí tuyển sinh:**
 - Phí dự tuyển: 700.000 đ/ thí sinh.



- Nộp phí tuyển sinh: Theo hai hình thức
 - + Nộp trực tiếp tại Học viện KHCN: Nhà A21, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
 - + Chuyển khoản vào tài khoản của Học viện KHCN (*Thí sinh phải ghi rõ trong mục nội dung chuyển tiền: Họ tên. Nộp phí dự tuyển NCS*):
Chủ tài khoản: Học viện Khoa học và Công nghệ
Số tài khoản: 3712.1.1120994
Ngân hàng: Kho bạc Nhà nước quận Tây Hồ, Hà Nội.
6. **Thời gian xét tuyển:** Dự kiến từ ngày 02-14/10/2017.

Thông tin chi tiết xin liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ và tham khảo tại trang web của Học viện Khoa học và Công nghệ: <http://www.gust.edu.vn>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Viện HL KHCN VN (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Viện HL KHCNVN
- Các Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, THPT;
- Các Viện, Trung tâm nghiên cứu;
- Lưu VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Trần Đại Lâm

CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

| STT | Chuyên ngành | Mã số | STT | Chuyên ngành | Mã số |
|-----|---|---------|-----|---|----------|
| 1 | Địa mạo và cổ địa lý | 9440218 | 27 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 9850101 |
| 2 | Địa chất học | 9440201 | 28 | Kỹ thuật hóa học | 9520301 |
| 3 | Địa vật lý | 9440210 | 29 | Hóa hữu cơ | 9440114 |
| 4 | Khoáng vật học và địa hóa học | 9440205 | 30 | Hóa vô cơ | 9440113 |
| 5 | Vật lý địa cầu | 9440111 | 31 | Hóa phân tích | 9440118 |
| 6 | Công nghệ sinh học | 9420201 | 32 | Hóa lý thuyết và Hóa lý | 9440119 |
| 7 | Di truyền học | 9420121 | 33 | Hóa học các hợp chất thiên nhiên | 9440117 |
| 8 | Hóa sinh học | 9420116 | 34 | Vật liệu điện tử | 9440123 |
| 9 | Sinh lý học người và động vật | 9420104 | 35 | Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử | 9440127 |
| 10 | Sinh lý học thực vật | 9420112 | 36 | Vật liệu cao phân tử và tổ hợp | 9440125 |
| 11 | Lý sinh học | 9420115 | 37 | Kim loại học | 9440129 |
| 12 | Vi sinh vật học | 9420107 | 38 | Kỹ thuật năng lượng | Thí điểm |
| 13 | Hệ thống thông tin | 9480104 | 39 | Thực vật học | 9420111 |
| 14 | Khoa học máy tính | 9480101 | 40 | Sinh thái học | 9420120 |
| 15 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 9520216 | 41 | Động vật học | 9420103 |
| 16 | Toán giải tích | 9460102 | 42 | Côn trùng học | 9420106 |
| 17 | Phương trình vi phân và tích phân | 9460103 | 43 | Ký sinh trùng học | 9420105 |
| 18 | Đại số và lý thuyết số | 9460104 | 44 | Tuyển trùng học | Thí điểm |
| 19 | Hình học và tô pô | 9460105 | 45 | Kỹ thuật môi trường | 9520320 |
| 20 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học | 9460106 | 46 | Cơ học vật rắn | 9440107 |
| 21 | Cơ sở toán học cho tin học | 9460110 | 47 | Cơ học chất lỏng | 9440108 |
| 22 | Toán ứng dụng | 9460112 | 48 | Cơ kỹ thuật | 9520101 |
| 23 | Địa lý tự nhiên | 9440217 | 49 | Quang học | 9440109 |
| 24 | Địa lý tài nguyên và môi trường | 9440219 | 50 | Vật lý lý thuyết và vật lý toán | 9440103 |
| 25 | Thủy văn học | 9440224 | 51 | Vật lý nguyên tử | 9440106 |
| 26 | Thủy sinh vật học | 9420108 | 52 | Vật lý chất rắn | 9440104 |

DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

| STT | Chuyên ngành dự tuyển | Chuyên ngành phù hợp |
|-----|---|--|
| 1. | Địa mạo và Cổ địa lý | Địa lý tự nhiên, Địa lý Tài nguyên và Môi trường, Địa chất học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường |
| 2. | Địa chất học | Khoa học Môi trường, Môi trường đất và nước, Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý, Quản lý tài nguyên và môi trường |
| 3. | Địa vật lý | Địa chất học, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật thăm dò và khảo sát |
| 4. | Khoáng vật học và địa hóa học | Địa chất học, Khoa học Môi trường, Môi trường đất và nước |
| 5. | Vật lý địa cầu | Khí tượng và khí hậu học, Thiên văn học, Khoa học môi trường, Môi trường không khí |
| 6. | Công nghệ sinh học | Công nghệ sinh học, Sinh học thực nghiệm, Di truyền học, Sinh học thực nghiệm, Di truyền và chọn giống cây trồng, Chăn nuôi, Lâm học, Sinh lý học người và Động vật, Thú y, Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản, Vi sinh vật học, Vi sinh y học, Sinh lý học thực vật, Hóa sinh học, Hóa sinh dược |
| 7. | Di truyền học | Di truyền học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Chăn nuôi, Lâm học |
| 8. | Hóa sinh học | Hóa sinh học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Hóa môi trường, Hóa sinh dược |
| 9. | Sinh lý học người và động vật | Sinh lý học người và động vật, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Hóa sinh học, Chăn nuôi, Thú y, Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản |
| 10. | Sinh lý học thực vật | Sinh lý học thực vật, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học |
| 11. | Lý sinh học | Lý sinh học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Lý sinh y học |
| 12. | Vi sinh vật học | Vi sinh vật học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Vỵ sinh y học |
| 13. | Hệ thống thông tin | Hệ thống thông tin |
| 14. | Khoa học máy tính | Khoa học máy tính |
| 15. | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 16. | Toán giải tích | Toán giải tích |
| 17. | Phương trình vi phân và tích phân | Phương trình vi phân và tích phân |
| 18. | Đại số và lý thuyết số | Đại số và lý thuyết số |
| 19. | Hình học và tô pô | Hình học và tô pô |
| 20. | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học |
| 21. | Cơ sở toán học cho tin học | Cơ sở toán học cho tin học |

| STT | Chuyên ngành dự tuyển | Chuyên ngành phù hợp |
|-----|----------------------------------|---|
| 22. | Toán ứng dụng | Toán ứng dụng |
| 23. | Địa lý tự nhiên | Địa lý tự nhiên, Khí tượng và khí hậu học, Địa lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài chuyên và môi trường, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Địa lý học, Quản lý đất đai |
| 24. | Địa lý tài nguyên và môi trường | Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Địa lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài chuyên và môi trường, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Địa chất thủy văn, Địa chất công trình |
| 25. | Thủy văn học | Thủy văn học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường... |
| 26. | Thủy sinh vật học | Sinh thái học, Công nghệ sinh học, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Thực vật học, Động vật học, Côn trùng học (Côn trùng mặt nước), Tuyển trùng học (tuyển trùng biển), Sinh học thực nghiệm, Sinh học - môi trường |
| 27. | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | Môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Địa mạo và cổ địa lý, Địa lý tự nhiên, Bản đồ, Viễn thám và hệ thống tin địa lý, Địa chất và khoáng sản khu vực, Khoáng chất công nghiệp, Hải dương học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học, Hoá môi trường, Nuôi trồng Thủy sản, Kỹ thuật môi trường |
| 28. | Kỹ thuật hóa học | Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật vật liệu, Hóa hữu cơ, hóa dầu, Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Kim loại học, Khoa học môi trường, Hóa vô cơ, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học |
| 29. | Hóa hữu cơ | Hóa hữu cơ, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, hóa dầu, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học |
| 30. | Hóa vô cơ | Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học |
| 31. | Hóa phân tích | Hóa phân tích, Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học |
| 32. | Hóa lý thuyết và Hóa lý | Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa vô cơ, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học |

| STT | Chuyên ngành dự tuyển | Chuyên ngành phù hợp |
|-----|---|--|
| 33. | Hóa học các hợp chất thiên nhiên | Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa dầu và xúc tác hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và hóa lý, Hóa môi trường, Hóa dược, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Hóa sinh học |
| 34. | Vật liệu điện tử | Vật lý, Vật lý kỹ thuật, Công nghệ nano, Khoa học vật liệu, Vật liệu điện tử, Quang học, Hóa học, Dược học |
| 35. | Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử | Vật lý, Vật lý kỹ thuật, Quang học, Công nghệ nano, Khoa học vật liệu, Hóa học, Dược học |
| 36. | Vật liệu cao phân tử và tổ hợp | Hóa học, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Dược học |
| 37. | Kim loại học | Vật lý, Luyện kim (Kim loại đen, Luyện kim màu, Nhiệt luyện, Xử lý bề mặt), Khoa học vật liệu, Công nghệ cơ khí, Công nghệ vật liệu, Công nghệ gia công vật liệu |
| 38. | Kỹ thuật năng lượng | Kỹ thuật năng lượng, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật cơ - điện tử, Kỹ thuật xây dựng công trình năng lượng, Kỹ thuật hóa học, Quản lý năng lượng, Khoa học vật liệu, Công nghệ vật liệu |
| 39. | Thực vật học | Thực vật học |
| 40. | Sinh thái học | Sinh thái học |
| 41. | Động vật học | Động vật học |
| 42. | Côn trùng học | Côn trùng học |
| 43. | Ký sinh trùng học | Ký sinh trùng học |
| 44. | Tuyến trùng học | Tuyến trùng học |
| 45. | Kỹ thuật môi trường | Khoa học - công nghệ, Kỹ thuật sinh học, Hóa học, Hoá lý, Các quá trình thiết bị công nghệ hoá học |
| 46. | Cơ học vật rắn | Cơ chất rắn, Toán - cơ, Vật lý chất rắn, Vật lý lý thuyết và vật lý toán, Khoa học vật liệu |
| 47. | Cơ học chất lỏng | Cơ chất lỏng, Thủy văn học, Khí tượng, Hải dương học, Toán - cơ |
| 48. | Cơ kỹ thuật | Cơ kỹ thuật, Công nghệ Cơ điện tử, Tự động hóa, Kỹ thuật hàng không, ngành Điều khiển tự động, Thủy văn, Khí tượng, Hải dương học, Tin học xây dựng, Kỹ thuật công trình xây dựng |
| 49. | Quang học | Quang học |
| 50. | Vật lý lý thuyết và vật lý toán | Vật lý lý thuyết và vật lý toán |
| 51. | Vật lý nguyên tử | Vật lý nguyên tử, Kỹ thuật hạt nhân |
| 52. | Vật lý chất rắn | Vật lý chất rắn |

ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm 3a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm 3b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại bảng tham chiếu dưới đây) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Chứng chỉ | Trình độ |
|-----|--|---|
| 1 | TOEFL iBT | 45 - 93 |
| 2 | IELTS | 5 - 6.5 |
| 3 | Cambridge examination | CAE 45-59 PET Pass with Distinction |
| 4 | CIEP/Alliance française diplomas | TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue |
| 5 | Goethe -Institut | Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB) |
| 6 | TestDaF | TDN3- TDN4 |
| 7 | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 6 |
| 8 | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N2 |
| 9 | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-2 |

TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c khoản 1;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

- (1). Đơn đăng ký dự tuyển (Mẫu 3.1-TS);
- (2). Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương đối với người dự tuyển làm nghề tự do (Mẫu 3.2-TS) hoặc Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan đối với người dự tuyển là công chức, viên chức (Mẫu 3.3-TS) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- (3). Công văn giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý nhân sự (đối với người dự tuyển là công chức, viên chức) hoặc trường (nếu là sinh viên vừa tốt nghiệp). Không yêu cầu mục này với người dự tuyển làm nghề tự do.
- (4). Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển) (Copy 9 bộ)
- (5). Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- (6). Bản sao có công chứng các văn bằng chứng chỉ sau;
 - + Bằng tốt nghiệp và bằng điểm Thạc sĩ, Đại học (01 bản);
 - + Chứng chỉ ngoại ngữ.
- (7). Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Mẫu 3.4-TS);
- (8). Đề cương nghiên cứu chi tiết (09 bản, Mẫu 3.5-TS);
- (9). 02 ảnh 4x6 (mới chụp, mặt sau ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, chuyên ngành dự tuyển);
- (10). 03 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh;
- (11). Lý lịch khoa học của người hướng dẫn dự kiến (Mẫu 3.3-TS). Tham khảo Tiêu chuẩn của người hướng dẫn NCS tại Mẫu 3.5-TS.
- (12). Giấy chứng nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc diện “Hiệp định công nhận tương đương về văn bằng giáo dục đại học”);
- (13). Các giấy tờ có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có).

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:
3. Ngày sinh: 4. Nơi sinh:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đối tượng dự thi: Thí sinh tự do Đang công tác
7. Cơ quan công tác hiện nay:
Địa chỉ:
8. Chuyên môn công tác: Chức vụ:
9. Văn bằng đại học: Ngành: Hệ: Loại: Năm:
Trường:
10. Văn bằng cao học: Chuyên ngành: Điểm trung bình khóa học:
Trường: Năm:
11. Số lượng bài báo khoa học đã công bố (nếu có) và bài photo kèm theo:
12. Chứng chỉ Tiếng Anh: Số điểm: Ngày cấp:
13. Chuyên ngành đăng ký dự thi: Mã số:
14. Hình thức đào tạo: Tập trung Không tập trung
15. Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: E-mail:

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú nếu là
thí sinh tự do)

....., ngày.....tháng.....năm....

Người đăng kí
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh: Nam/Nữ:
Dân tộc: Tôn giáo:
Nơi sinh:
Hộ khẩu thường trú:
.....
Địa chỉ hiện nay:
.....
Cơ quan công tác:

.....
Đã có bằng tốt nghiệp:
Nơi cấp bằng: Ký ngày:/...../.....
Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:
Ngày vào Đảng CSVN:
Ngày vào biên chế Nhà nước:

Quá trình học tập, công tác của bản thân: (ghi rõ ngày, tháng, năm, làm gì, ở đâu?)
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Khen thưởng:
.....
Kỷ luật:
.....
Họ và tên BỐ: Năm sinh:
Cơ quan công tác:
Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên Mẹ: Năm sinh:

Cơ quan công tác:

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:

.....

.....

.....

.....

.....

Anh chị em ruột, vợ hoặc chồng, con (nếu có): *(Ghi rõ Họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, nơi công tác, học tập của từng người)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lời cam đoan:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Xác nhận của UBND phường (xã)

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian | Nơi công tác | Công việc đảm nhiệm |
|-----------|--------------|---------------------|
| | | |
| | | |

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng | Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|--|----------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| | | | | |
| | | | | |

2. Các công trình khoa học (bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sách chuyên khảo...) đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Xác nhận của cơ quan công tác

Người khai kí tên
(Ghi rõ chức danh khoa học, học vị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ GIỚI THIỆU
THÍ SINH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ,
Học viện Khoa học và Công nghệ

Tôi tên là:

Học hàm, học vị: Năm công nhận:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: Email:

Tôi đã có thời gian công tác, hoạt động chuyên môn với ông/bà:
..... trong khoảng thời gian từ

là người dự tuyển nghiên cứu sinh của Học viện Khoa học và Công nghệ.

Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1. Phẩm chất đạo đức:
.....
2. Năng lực hoạt động chuyên môn:
.....
3. Phương pháp làm việc:
.....
4. Khả năng nghiên cứu:
.....
5. Khả năng làm việc theo nhóm:
.....
6. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:
.....
7. Triển vọng phát triển về chuyên môn:
.....
.....
.....

8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu người dự tuyển làm NCS:

.....
.....

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệu với Học viện để đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh khóa

Xin chân thành cảm ơn.

Ngày tháng năm 20...

Người giới thiệu

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU CHI TIẾT

Mẫu trang bìa chính

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐỀ CƯƠNG
DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIÊN SĨ
NĂM.....

Tên đề tài:

“.....”

Tên người dự tuyển:

Cơ quan công tác:

Hà Nội, tháng .../20....

Mẫu trang bìa phụ

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐỀ CƯƠNG
DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM

Tên đề tài:

“.....”

Chuyên ngành đào tạo:

Mã số:

Tên người dự tuyển:

Cơ quan công tác:

Người hướng dẫn khoa học:

1.....

2.....

Hà Nội, tháng .../20...

Nội dung nghiên cứu

1. Đặt vấn đề:

Nêu lý do chọn đề tài, tính cấp thiết, tính mới của vấn đề nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu:

Tác giả cần tổng hợp các nghiên cứu đã thực hiện trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của người dự tuyển, qua đó cần phân tích bình luận về kết quả và những hạn chế/khoảng trống của các nghiên cứu đó để làm nổi bật tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài dự tuyển. Trong đó người dự tuyển cần nêu rõ những quan điểm và phương pháp giải quyết riêng của mình

3. Mục tiêu, nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

- Mục tiêu của đề tài dựa trên tên của đề tài dự kiến, những kết quả nghiên cứu đi trước đã đạt được để đề ra mục tiêu nghiên cứu giải quyết vấn đề.

- Nội dung nghiên cứu: nội dung phải dựa trên mục tiêu nghiên cứu, toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài là giải quyết các mục tiêu đề ra.

- Đối tượng nghiên cứu: là đối tượng mà đề tài dự kiến nghiên cứu, trong đó cần nêu rõ phạm vi và giới hạn của đề tài, của đối tượng nghiên cứu (*có thể đưa giới hạn đề tài vào cuối của mục 5*)

- Phương pháp nghiên cứu: Tác giả cần nêu rõ từng phương pháp mà đề tài sẽ áp dụng để đảm bảo đạt được mục tiêu-nội dung đã đề ra của đề tài, các phương pháp bố trí thí nghiệm, thu tập số liệu, xử lý số liệu, vv. Các phương pháp nghiên cứu trình bày theo từng nội dung nghiên cứu.

4. Những nghiên cứu/công việc liên quan đã thực hiện của người dự tuyển:

Nêu các nghiên cứu (đề tài, nhiệm vụ, vv) của người dự tuyển đã thực hiện có liên quan đến đề tài luận án dự kiến thực hiện; kinh nghiệm của người dự tuyển và tính khả thi của đề tài luận án.

5. Tiến độ thực hiện đề tài

Kế hoạch cần trình bày chi tiết, cụ thể theo các nội dung, hoạt động nhằm đảm bảo mục tiêu thực hiện khóa học và luận án của người dự tuyển.

| TT | Nội dung/hoạt động | Sản phẩm phải đạt | Tiến độ thực hiện theo năm và quý | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|--------------------|-------------------|-----------------------------------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|
| | | | Năm 1 | | | | Năm 2 | | | | Năm 3 | | | | Năm 4 | | | |
| | | | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV | I | II | III | IV |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

6. Dự kiến kết quả đạt được

Nêu các kết quả dự kiến đạt được, các đóng góp mới về khoa học và thực tiễn.

7. Danh mục tài liệu tham khảo mà người dự tuyển đã cập nhật làm cơ sở đề xuất đề tài tiến sĩ

Danh mục tài liệu tham khảo trình bày theo quy định. Trình bày tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước (xếp tên tác giả theo alphabet) và tài liệu tiếng Anh sau (xếp tên tác giả theo alphabet).

8. Người hướng dẫn dự kiến:

- Người hướng dẫn 1:

- + Họ và tên:
- + Học hàm, học vị:
- + Cơ quan công tác:
- + Điện thoại:

- Người hướng dẫn 2:

- + Họ và tên:
- + Học hàm, học vị:
- + Cơ quan công tác:
- + Điện thoại:

....., ngày tháng năm 20....
Người dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người hướng dẫn 1
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người hướng dẫn 2
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

| Đơn vị | Địa chỉ | Điện thoại |
|---|---|---|
| Tại Hà Nội | | |
| 1. Học viện Khoa học và Công nghệ | Nhà A21 18 Hoàng Quốc Việt Cầu Giấy, Hà Nội | 0946082099 CV. Nguyễn Thị Minh Tâm |
| 2. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật | Nhà A11 18 Hoàng Quốc Việt Cầu Giấy, Hà Nội | 04-37565944; 0912142843 TS. Nguyễn Thị Thanh Hương |
| 3. Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A10 | 0985080377 ThS. Bùi Thị Hải Hà |
| 4. Viện Vật lý | Số 10 Đào Tấn Ba Đình, Hà Nội | 0904791515 CV. Nguyễn Thị Diệu Hồng |
| 5. Viện Toán học | Nhà A5 18 Hoàng Quốc Việt Cầu Giấy, Hà Nội | 0982111984 CV. Trần Thị Phương Thảo |
| 6. Viện Hóa học | Nhà A18 18 Hoàng Quốc Việt Cầu Giấy, Hà Nội | 0979847880 CV. Nguyễn Thị Hiếu |
| Tại TP. Hồ Chí Minh | | |
| 1. Cơ sở của Học viện Khoa học và Công nghệ | Số 1, Mạc Đĩnh Chi Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 08-38222068; 0932093007 CV. Nguyễn Thị Thanh Thảo |
| Tại TP. Nha Trang | | |
| 1. Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang | Số 2, Hùng Vương Tp. Nha Trang, Khánh Hòa | 0932416625 CV. Trần Minh Trang |
| 2. Viện Hải Dương học | Số 1 Cầu Đá Tp. Nha Trang, Khánh Hòa | 0983 883 559 TS. Hồ Văn Thệ |
| Tại TP. Đà Lạt | | |
| 1. Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên | 116 Xô Viết Nghệ Tĩnh Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng | 0948822664 CV. Hoàng Thị Thu Thảo |